TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HSST
Ngày: 31/10/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Duy Tỏi, bà Nguyễn Thị Hoài.

- ***Thư ký phiên toà***: Nguyễn Văn Hùng -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** *huyện Thanh Miện* tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2018/HSST-TL ngày 20 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37 /2018/QĐXXST-HS ngày 02/10/2018, Quyết định hoãn phiên toà số 11/2018/HSST-QĐ ngày 16/10/2018 đối với bị cáo:

Lê Thị L *(tên gọi khác S),* sinh năm 1991.

HKTT: thôn Đ, xã T, huyện TM, tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Bố đẻ: Lê Văn C, sinh năm 1953; Mẹ đẻ: Đỗ Thị S, sinh năm 1956; Chồng: Nguyễn Đình N, sinh năm 1984; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người bị hại: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1993 và chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1997, anh N, chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

HKTT: đều trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện TM, tỉnh H.

Người có quyền lợi liên quan : Chị Trần Thị H, sinh năm 1980, có đơn xin xét xử vắng mặt.

HKTT : Phố C, xã L, huyện TM, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 6/2017, Lê Thị L nhận lời lấy hàng quần áo hộ vợ chồng anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1993 và chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1997, đều trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện TM, tỉnh H.

Khoảng 13 giờ ngày 14/6/2017, khi L đang ở nhà mẹ đẻ là bà Đỗ Thị S ở thôn Đ, xã Đ thì anh N gọi điện cho L hỏi về việc lấy hàng quần áo, L nảy sinh ý định nói dối anh N để mượn xe mô tô của anh N mang đi bán. L nói với anh N là đã

lấy được hàng rồi, nhưng bị Chi cục quản lý thị trường tỉnh Hưng Yên bắt giữ, hiện tại không có xe để đi Hưng Yên xin hàng về. Mục đích L nói như vậy để anh N cho L mượn xe. Khi nghe L nói như vậy, anh N tưởng thật nên đã đồng ý cho L mượn chiếc xe mô tô BKS 34F1-244.06. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, anh N điều khiển xe mô tô đến nhà mẹ đẻ L để đón và chở L về cổng nhà mình, sau đó giao xe cùng chìa khóa xe cho L. L hỏi chị Đ về việc mượn xe, chị Đ đồng ý. Sau khi mượn được xe, khoảng 15 phút sau L gọi điện cho anh N hỏi về giấy tờ xe vì có công an giao thông, anh N trả lời chỉ có bản phô tô trong cốp xe. Sau đó L điều khiển xe đến cửa hàng điện thoại của chị Trần Thị H, sinh năm 1980 ở Phố C, xã L, huyện TM, tỉnh H để bán cho chị H. L nói với chị H đây là xe của L, L nhờ em dâu đứng tên mua trả góp nên chỉ có giấy tờ phô tô. Chị H nhất trí mua xe của L với giá 5.000.000 đồng, L đồng ý và tự viết giấy bán xe cho chị H. Đến tối ngày 14/6 và ngày 15/6/2017 anh N nhiều lần nhắn tin, gọi điện cho L yêu cầu trả xe nhưng L đều nói dối đang ở Hưng Yên, chưa xin được hàng nên chưa về. Đến chiều ngày 16/6/2017, anh N, chị Đ đến tận nhà L nói chuyện, đòi lại xe, lúc này L mới nói đã bán xe tại cửa hàng nhà chị H. Anh N, chị Đ đã làm đơn trình báo cơ quan Công an.

Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ 01 giấy bán xe và trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trong giấy bán xe. Tại bản Kết luận giám định số 41 ngày 10/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ viết, chữ ký trên Giấy bán xe với chữ viết, chữ ký đứng tên Lê Thị L trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết, ký ra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16 ngày 10/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Miện kết luận: Giá trị 01 xe mô tô BKS 34F1 - 244.06 là 20.925.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKS-TM ngày 18/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện đã truy tố bị cáo Lê Thị L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 điều 174 BLHS.

Tại phiên toà Đại diện VKSND huyện Thanh Miện thực hành quyền công tố trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Lê Thị L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" .

Áp dụng khoản 1 điều 174, điểm n, s khoản 1 điều 51, điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo L từ 13 - 16 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung : không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh N, chị Đ đã nhận lại xe mô tô, số tiền đưa bị cáo trước đó mua hàng bị cáo cũng đã trả và không có yêu cầu nào khác, bị cáo cũng tự nguyện trả lại chị H số tiền bán xe, có xác nhận của chị H, chị H không yêu cầu nào khác, đề nghị không xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Thanh Miện, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai người bị hại, vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 14/6/2017, Lê Thị L có ý định chiếm đoạt từ trước đã nói dối anh N về việc đã lấy được hàng quần áo cho anh N nhưng bị Chi cục quản lý thị trường tỉnh Hưng Yên giữ để mượn rồi chiếm đoạt 01 xe mô tô BKS 34F1-244.06 trị giá 20.925.000 đồng sau đó đem bán cho chị Trần Thị H lấy 5.000.000đ.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh N đem bán, lợi dụng lòng tin của anh N, chị Đ về việc đi lấy hàng cho anh N, để anh N tin mà giao xe mô tô cho bị cáo. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, tài sản chiếm đoạt trị giá 20.925.000đ. Vì vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 điều 174 BLHS, quyết định truy tố của VKSND huyện Thanh Miện đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình khai báo có sự thành khẩn, ăn năn hối lỗi hành vi đã phạm, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả người bị hại, bị cáo cũng đã khắc phục hậu quả, trả lại số tiền cầm mua hàng của người bị hại, bồi thường số tiền do bán xe mà có cho chị H. Theo Trích lục khai sinh cháu Nguyễn Thị Tr là con của bị cáo Lê Thị L và chồng là anh Nguyễn Đình N, cháu Tr sinh ngày 01/02/2018, bị cáo phạm tội ngày 14/6/2017 là trong thời gian bị cáo có thai nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, n, s khoản 1 điều 51 BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tư lợi đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội vì vậy cần có hình phạt tương xứng và cách ly bị cáo một thời gian để không chỉ cải tạo, giáo dục bị cáo mà còn phục vụ công tác phòng ngừa chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm ruộng, đang nuôi con nhỏ, thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Anh N, chị Đ, chị H đều xác định đã nhận lại tài sản bị cáo chiếm đoạt và tiền bán xe, không yêu cầu nào khác vì vậy không xét giải quyết.

[7]. Về vật chứng: Xe mô tô BKS 34F1 - 244.06 chị H đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Miện và đã trả lại cho vợ chồng anh N, chị Đ. Chiếc điện thoại bị cáo sử dụng liên lạc với anh N, bị cáo khai đã đánh mất nên Cơ quan điều tra không quản lý được nên không xem xét.

Chị Trần Thị H khi mua xe không biết đó là xe do bị cáo phạm tội mà có nên cơ quan CSĐT không xem xét xử lý đối với chị H là phù hợp.

[8]. Về án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị L (*tên gọi khác S*) phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 điều 174, điểm b, n, s khoản 1 điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Lê Thị L 13 (Mười ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Lê Thị L phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 331, Điều 333 BLTTHS năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết. Người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương.
- Công an Thanh Miện;
- Chi cục THADS Thanh Miện
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương,
- UBND xã T.
- Người tham gia tố tụng,
- Lưu hồ sơ

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Xuân Thành